

Bản án số: **07/2019/DS - ST.**

Ngày: 18/02/2019.

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Khởi.

2. Ông Nguyễn Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễm– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng– Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2018/TLST - DS, ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-DS, ngày 31/01/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Thanh Đ; địa chỉ: ấp L, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Hồng T; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên lạc: Vừa trái cây C, cầu B, ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Thanh Đ trình bày: Ông làm chủ hội, bà Võ Thị Hồng T làm hội viên; bà T có tham gia góp cùng ông Đ 01 dây hội 15 ngày, hội 500.000 đồng, mở ngày 30/02/2017AL và hội mãi ngày 30/4/2019, có 55 phần, bà T góp hội sống được 02 phần, đến phần thứ 03 thì bà T ra lời 210.000 đồng thì hốt được 16.080.000 đồng, sau khi hốt bà T góp đến ngày 30/10/2017, số còn lại không góp tiếp cho ông Đ, nên ông Đ góp thay cho bà T từ ngày 15/11/2017 đến ngày

15/9/2018 là 20 phần hụi chết x 500.000 đồng bằng 10.000.000 đồng, phần tiền này bà T không trả cho ông Đ.

Nay ông Đ yêu cầu bà T hoàn trả số tiền hụi đã góp thay cho bà T 10.000.000 đồng và trả đủ trong thời gian ngắn.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2019, bị đơn bà Võ Thị Hồng T thừa nhận hiện nay còn nợ ông Đ số tiền mà ông Đ trả nợ thay cho bà T 10.000.000 đồng và xin trả hàng tháng là 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà Võ Thị Hồng T vắng mặt không lý do; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 BLDS và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phưởng; xử buộc bà Võ Thị Hồng T hoàn trả cho ông Đ số tiền hụi đã trả thay là 10.000.000 đồng và tại Tòa ông Đ không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị Hồng T là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị Hồng T.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Ngô Thanh Đ làm chủ hụi, bà Võ Thị Hồng T làm hụi viên, bà T có tham gia góp 01 dây hụi 15 ngày, hụi 500.000 đồng, mở ngày 30/02/2017AL và hụi mãin ngày 30/4/2019, có 55 phần, bà T góp hụi sống được 02 phần, đến phần thứ 03 thì bà T ra lời 210.000 đồng thì hốt được 16.080.000 đồng, sau khi hốt bà T góp đến ngày 30/10/2017, số còn lại không góp tiếp cho ông Đ, nên ông Đ góp thay cho bà T từ ngày 15/11/2017 đến ngày 15/9/2018 là 20 phần hụi chết x 500.000 đồng bằng 10.000.000 đồng, phần tiền này bà T không trả cho ông Đ.

Nay ông Đ yêu cầu bà T hoàn trả số tiền hụi đã góp thay cho bà T 10.000.000 đồng và trả đủ trong thời gian ngắn; phía bà T đồng ý trả cho ông Đ số tiền hụi đã góp thay bà là 10.000.000 đồng, nhưng xin trả hàng tháng là 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. **Xét thấy**, trong quá trình giải quyết vụ án; tại biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2019, bà T thừa nhận còn nợ ông Đ tiền hụi đã

góp thay là 10.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ khẳng định bà T còn nợ ông Đ số tiền hui đã góp thay là 10.000.000 đồng.

[3] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hui giữa các bên đương sự nhận thấy: Ông Đ với bà T là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[4] Xét về lỗi: Bà T là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ không góp hui cho ông Đ, chính việc vi phạm nghĩa vụ của bà T đã gây thiệt thòi đến quyền lợi của ông Đ. Do đó, bà T phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền hui đã góp thay là 10.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 BLDS và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường và tại Tòa ông Đ không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu của bà T cho rằng do hoàn cảnh kinh tế của gia đình hiện nay khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà T trả hàng tháng là 500.000 đồng đến khi dứt nợ. **Xét thấy**, yêu cầu này của bà T không được ông Đ đồng ý và thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử buộc bà Võ Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 357, Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 30 của Nghị định số:144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thanh Đ. Xử buộc bà Võ Thị Hồng T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Ngô Thanh Đ số tiền hui vốn đã góp thay là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Võ Thị Hồng T phải chịu là 500.000 đồng;

2.2. Ông Ngô Thanh Đ không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Ngô Thanh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0004388 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Võ Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

Hồ Văn Phụng